

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 2 ngày 01 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa					Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
322	322		322		322	-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	14,50,	150.000	2.175.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	16,2,	19.000	307.800				
3			Bí đỏ	Kg	14,40	19.000	273.600				Canh bí đỏ
			Bánh gạo On On	Gói	17,00	20.000	340.000				
4			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.711.400				

Người lập

Lò Thị Thảo

Xác nhận của nhà trường

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NĂM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 3 ngày 02 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322	322,	-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	14,10	135.000	1.903.500				Thịt lợn xào trứng
2			Trứng gà	Kg	137,00	4.000	548.000				
3			Bắp cải	Kg	14,10	19.000	267.900				Canh rau bắp cải
4			Bánh quy Daisy	Gói	14,00	20.000	280.000				
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.614.400				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 4 ngày 03 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322	322,	-	-	14.000	4508000,	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	14,50	150.000	2.175.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	16,50	19.000	313.500				
3			Bí đỏ	Kg	14,40	19.000	273.600				
4			Bánh gạo On On	Gói	17,00	20.000	340.000				Canh bí đỏ
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.717.100				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 5 ngày 04 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322	322,	-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi đưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Gà công nghiệp mổ sẵn	Kg	23,10	85.000	1.963.500				Thịt gà xào su su
2			Su su	Kg	17,30	19.000	328.700				
3			Bắp cải	Kg	18,30	19.000	347.700				Canh rau bắp cải
4			Bánh quy Daisy	Gói	17,00	20.000	340.000				
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.594.900				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 6 ngày 05 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322	322,	-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	14,20,	135.000	1.917.000				Thịt xào trứng gà
2			Trứng gà	Qùa	137,,	4.000	548.000				
3			Bí đỏ	Kg	14,1,	19.000	267.900				Canh bí đỏ
4			Bánh gạo On On	Gói	14,00	20.000	280.000				
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.627.900				

Người lập

Xác nhận của nhà trường



Lò Thị Thảo



Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 2 ngày 08 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa					Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
322	322		322		322	-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	12,50,	150.000	1.875.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	13,2,	19.000	250.800				
3			Bí đỏ	Kg	13,50	19.000	256.500				Canh bí đỏ
			Bánh gạo On On	Gói	15,00	20.000	300.000				
4			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.297.300				

Người lập

Xác nhận của nhà trường



Lò Thị Thảo



Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 3 ngày 09 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322	322,	-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	12,70	135.000	1.714.500				Thịt lợn xào trứng
2			Trứng gà	Kg	137,00	4.000	548.000				
3			Bắp cải	Kg	14,10	19.000	267.900				Canh rau bắp cải
4			Bánh quy Daisy	Gói	14,00	20.000	280.000				
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.425.400				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 4 ngày 10 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322	322,	-	-	14.000	4508000,	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	12,50	150.000	1.875.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	13,20	19.000	250.800				
3			Bí đỏ	Kg	13,50	19.000	256.500				
4			Bánh gạo On On	Gói	15,00	20.000	300.000				Canh bí đỏ
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.297.300				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 5 ngày 11 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322	322,	-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Gà công nghiệp mổ sẵn	Kg	22,10	85.000	1.878.500				Thịt gà xào su su
2			Su su	Kg	16,70	19.000	317.300				
3			Bắp cải	Kg	13,70	19.000	260.300				Canh bí đỏ
4			Bánh quy Daisy	Gói	17,00	20.000	340.000				
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.411.100				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 6 ngày 12 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322	322,	-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	12,70,	135.000	1.714.500				Thịt xào trứng gà
2			Trứng gà	Qủa	137,,	4.000	548.000				
3			Bí đỏ	Kg	14,1,	19.000	267.900				Canh bí đỏ
4			Bánh gạo On On	Gói	14,00	20.000	280.000				
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.425.400				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 2 ngày 15 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa					Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
322	322		322		322	-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	13,50,	150.000	2.025.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	14,7,	19.000	279.300				
3			Bắp cải	Kg	14,20	19.000	269.800				Canh bắp cải
			Bánh gạo On On	Gói	16,00	20.000	320.000				
4			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.509.100				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 3 ngày 16 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322	322,	-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	13,40	135.000	1.809.000				Thịt lợn xào trứng
2			Trứng gà	Kg	134,00	4.000	536.000				
3			Bắp cải	Kg	14,10	19.000	267.900				Canh rau bắp cải
4			Bánh quy Daisy	Gói	14,00	20.000	280.000				
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.507.900				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MƯỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 4 ngày 17 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322	322,	-	-	14.000	4508000,	-	VD số lượng

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	13,50	150.000	2.025.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	14,70	19.000	279.300				
3			Bắp cải	Kg	14,20	19.000	269.800				
4			Bánh gạo On On	Gói	16,00	20.000	320.000				Canh bắp cải
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	323,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng							4.509.100				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 5 ngày 18 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322		-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

322,

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính		Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Gà công nghiệp mổ sẵn	Kg	Số lượng	85.000	1.921.000				Thịt gà xào su su
2			Su su	Kg	22,60	19.000	323.000				
3			Bắp cải	Kg	17,00	19.000	304.000				Canh bắp cải
4			Bánh quy Daisy	Gói	16,00	20.000	340.000				
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	17,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng					323,00		4.503.000				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 6 ngày 19 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa			Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú	
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do					Không có lý do
322	322		322		-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

322,											
Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính		Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Thịt lợn mông sấn trắng	Kg	Số lượng	135.000	1.809.000				Thịt xào trứng gà
2			Trứng gà	Qùa	13,40,	4.000	536.000				
3			Bắp cải	Kg	134,,	19.000	267.900				
4			Bánh gạo On On	Gói	14,1,	20.000	280.000				Canh bắp cải
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	14,00	5.000	1.615.000				
Tổng công					323,00		4.507.900				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 2 ngày 22 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa			Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú	
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do					Không có lý do
322	322		322		-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

					322						
Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính		Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	Số lượng	150.000	2.025.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	13,50,	19.000	279.300				
3			Bắp cải	Kg	14,7,	19.000	269.800				Canh bắp cải
			Bánh gạo On On	Gói	14,20	20.000	320.000				
4			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	16,00	5.000	1.615.000				
Tổng công					323,00		4.509.100				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 3 ngày 23 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322		-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

322,

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính		Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	Số lượng	135.000	1.809.000				Thịt lợn xào trứng
2			Trứng gà	Kg	13,40	4.000	536.000				
3			Bắp cải	Kg	134,00	19.000	267.900				Canh rau bắp cải
4			Bánh quy Daisy	Gói	14,10	20.000	280.000				
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	14,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng					323,00		4.507.900				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 4 ngày 24 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa			Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú	
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do					Không có lý do
322	322		322		-	-	14.000	4508000,	-	VD số lượng

322,											
Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính		Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	Số lượng	150.000	2.025.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	13,50	19.000	279.300				
3			Bắp cải	Kg	14,70	19.000	269.800				
4			Bánh gạo On On	Gói	14,20	20.000	320.000				Canh bắp cải
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	16,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng					323,00		4.509.100				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 5 ngày 25 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322		-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

322,

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính		Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Gà công nghiệp mổ sẵn	Kg	Số lượng	85.000	1.921.000				Thịt gà xào su su
2			Su su	Kg	22,60	19.000	323.000				
3			Bắp cải	Kg	17,00	19.000	304.000				Canh bắp cải
4			Bánh quy Daisy	Gói	16,00	20.000	340.000				
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	17,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng					323,00		4.503.000				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 6 ngày 26 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa			Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú	
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do					Không có lý do
322	322		322		-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

322,											
Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính		Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Thịt lợn mông sẵn trắng	Kg	Số lượng	135.000	1.809.000				Thịt xào trứng gà
2			Trứng gà	Qùa	13,40,	4.000	536.000				
3			Bắp cải	Kg	134,,	19.000	267.900				
4			Bánh gạo On On	Gói	14,1,	20.000	280.000				Canh bắp cải
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp	14,00	5.000	1.615.000				
Tổng cộng					323,00		4.507.900				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 2 ngày 29 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa					Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
322	322		322			-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng
					322						
Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính		Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	Số lượng	150.000	1.170.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	7,80,	19.000	205.200				
3			Bắp cải	Kg	10,8,	19.000	205.200				Canh bắp cải
			Bánh gạo On On	Gói	10,80	20.000	-				
4			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp		5.000	1.615.000				
Tổng công					323,00		3.195.400				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 3 ngày 30 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322		-	-	14.000	4.508.000	-	VD số lượng

322,

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính		Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Thịt lợn mông sân trắng	Kg	Số lượng	135.000	985.500				Thịt lợn xào trứng
2			Trứng gà	Kg	7,30	4.000	412.000				
3			Bắp cải	Kg	103,00	19.000	203.300				Canh rau bắp cải
4			Bánh quy Daisy	Gói	10,70	20.000	-				
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp		5.000	1.615.000				
Tổng công					323,00		3.215.800				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu

UBND XÃ MUỜNG CHÀ
TRƯỜNG MẦM NON NẬM TIN

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH

Thứ 4 ngày 31 tháng 12 năm 2025

TS HS toàn trường			HS ăn trưa				Định mức tiền ăn/ngày/H S	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS ăn trưa	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
322	322		322		-	-	14.000	4508000,	-	VD số lượng

322,

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính		Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	322	Ăn trưa	Giò lợn nạc	Kg	Số lượng	150.000	1.170.000				Giò xào su su
2			Su su	Kg	7,80	19.000	205.200				
3			Bắp cải	Kg	10,80	19.000	205.200				
4			Bánh gạo On On	Gói	10,80	20.000	-				Canh bắp cải
5			Sữa tươi Ba vì 110ml	Hộp		5.000	1.615.000				
Tổng cộng					323,00		3.195.400				

Người lập

Xác nhận của nhà trường

Lò Thị Thảo

Nguyễn Thị Mai Thu